ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1378/QĐ-UBND	*Đồng Nai, ngày 29 tháng 4 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố chuẩn hóa Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ, điện tử giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực giảm nghèo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 967/QĐ-BNNMT ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hoá thủ tục hành chính lĩnh vực giảm nghèo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 202/TTr-SNNMT ngày 28 tháng 4 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo quyết định này chuẩn hóa Danh mục thủ tục hành chính, quy trình nội bộ, điện tử giải quyết 05 thủ tục hành chính lĩnh vực giảm nghèo thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường.

(Phụ lục Danh mục thủ tục hành chính đính kèm)

Trường hợp thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này đã được cơ quan hành chính Nhà nước có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ thì áp dụng theo văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thay thế 04 thủ tục hành chính trong lĩnh vực giảm nghèo cấp xã tương ứng được công bố tại Quyết định số 971/QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2025

của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính các lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Các nội dung khác tại Quyết định này vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Thay thế 04 quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực giảm nghèo cấp xã tương ứng được công bố tại Quyết định số 924/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Công bố bộ thủ tục hành chính và quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính được ban hành mới và bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Lao động-Thương binh và xã hội, UBND cấp xã tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức niêm yết, công khai danh mục thủ tục hành chính này tại trụ sở làm việc, trên Trang thông tin điện tử và tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của đơn vị; triển khai tiếp nhận và xử lý thủ tục hành chính cho người dân theo quy định tại Quyết định này.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường cập nhật nội dung thủ tục hành chính đã được công bố lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.

Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện cập nhật nội dung các thủ tục hành chính đã được công bố trên Cổng dịch vụ công của tỉnh để công khai; cấu hình quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính đã được công bố trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh theo quy định. Thực hiện cấu hình, tích hợp, kết nối dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện lên Cổng dịch vụ công Quốc gia, Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Báo Đồng Nai; Đài PT- TH Đồng Nai;
- Tổng đài DVC 1022 (phối hợp công khai);
- Lưu: VT, KTN, HCC, Cổng TTĐT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Sơn Hùng

PHỤ LỤC
PHẦN I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC GIẢM NGHÈO THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐỒNG NAI
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1378/QĐ-UBND ngày 29/4/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
CẤP XÃ								
1	1.011606	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	Rà soát từ ngày 01 tháng 9 đến hết ngày 14 tháng 12 của năm.	a) Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa cấp xã; b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính; c) Nộp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh.	- Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã	Chưa quy định	- Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ; - Thông tư 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 - Thông tư 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022;	*Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 967QĐ-BNNMT ngày 18/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường*
2	1.011607	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	15 ngày	a) Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa cấp xã; b) Nộp thông qua dịch vụ bưu	- Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã	Chưa quy định	- Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ; - Thông tư 07/2021/TT-	*Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 967QĐ-*

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				chính;			BLĐTBXH ngày 18/7/2021 - Thông tư 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022;	*BNNMT ngày 18/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường*
3	1.011608	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	15 ngày	a) Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa cấp xã; b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính;	- Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã	Chưa quy định	- Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ; - Thông tư 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 - Thông tư 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022;	*Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 967QĐ-BNNMT ngày 18/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường*

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
4	1.011609	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	15 ngày	a) Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa cấp xã; b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính;	- Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã	Chưa quy định	- Luật 68/2020/QH14; - Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ; - Thông tư 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 - Thông tư 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022;	*Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 967QĐ-BNNMT ngày 18/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường*
5	3.000412	Công nhận người lao động có thu nhập thấp	15 ngày	a) Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa cấp xã; b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính;	- Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	- Nghị định số 30/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025; - Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021; - Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021; - Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022	*Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 967QĐ-BNNMT ngày 18/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường*

PHẦN II
DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ, ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC GIẢM NGHÈO THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ	Quy trình		Số trang tại phần III
					Nội bộ	Điện tử	
CẤP XÃ							
1	1.011606	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	Rà soát từ ngày 01 tháng 9 đến hết ngày 14 tháng 12 của năm.	a) Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa cấp xã; b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính; c) Nộp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh.		x	9
2	1.011607	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	15 ngày	a) Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa cấp xã; b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính;		x	10

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ	Quy trình		Số trang tại phần III
					Nội bộ	Điện tử	
3	1.011608	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	15 ngày	a) Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa cấp xã; b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính;		x	11
4	1.011609	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	15 ngày	a) Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa cấp xã; b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính;		x	12
5	3.000412	Công nhận người lao động có thu nhập thấp	15 ngày	a) Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa cấp xã; b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính;		x	13

PHẦN III
QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC GIẢM NGHÈO (CẤP XÃ)

1. Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm (mã thủ tục: 1.011606)

** Thời hạn giải quyết*: 106 ngày (từ ngày 1/9 đến hết ngày 14/12), kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ

** Lưu đồ giải quyết:*

Lưu đồ	Đơn vị thực hiện	Thời gian
1. Tiếp nhận hồ sơ của hộ gia đình và chuyển giao bộ phận giảm nghèo xử lý	Bộ phận TN&TKQ cấp xã	1
2. Thực hiện công tác chuyên môn, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo;	Cán bộ giảm nghèo, điều tra viên; BCĐ rà soát hộ nghèo cấp xã	78
3. Niêm yết kết quả rà soát công khai tại nhà văn hóa ấp, khu phố.	BCĐ rà soát hộ nghèo cấp xã	03
4. Phúc tra khi có ý kiến khiếu nại; niêm yết kết quả phúc tra (nếu có)	BCĐ rà soát hộ nghèo cấp xã	10
5. UBND cấp xã báo cáo xin ý kiến của UBND cấp huyện	Chủ tịch UBND huyện	5
6. UBND cấp xã ban hành quyết định và cấp giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo	Chủ tịch UBND cấp xã	07
7. Trả kết quả cho bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	Cán bộ giảm nghèo.	1
8. Trả kết quả cho hộ dân	Bộ phận TN&TKQ cấp xã	1

2. Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm (mã thủ tục: 1.011607)
** Lưu đồ giải quyết:*

Lưu đồ	Đơn vị thực hiện	Thời gian (*15 ngày*)
Tiếp nhận hồ sơ của hộ gia đình hoặc qua Bưu điện và chuyển gia bộ giảm nghèo xử lý →	Bộ phận TN&TKQ cấp xã	1
Lập danh sách và tổ chức thẩm định; niêm yết, báo cáo kết quả thẩm định và trình Chủ tịch UBND xã ban hành quyết định. Trường hợp không ban hành Quyết định công nhận thì có văn bản trả lời nêu rõ lý do →	Cán bộ giảm nghèo	12
Trình UBND cấp xã ký Quyết định công nhận →	Chủ tịch UBND cấp xã	1
Chuyển kết quả về Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả để trả cho hộ gia đình →	Cán bộ giảm nghèo.	0.5
Trả kết quả cho hộ gia đình →	Bộ phận TN&TKQ cấp xã	0.5

3. Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm (mã thủ tục: 1.011608)

** Lưu đồ giải quyết:*

Lưu đồ	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết *(15 ngày)*
Tiếp nhận hồ sơ và chuyển cán bộ giảm nghèo xử lý →	Bộ phận TN&TKQ cấp xã	1
↓		
Lập danh sách và tổ chức thẩm định; niêm yết, báo cáo kết quả thẩm định và trình Chủ tịch UBND xã ban hành quyết định. TH không ban hành Quyết định công nhận thì có văn bản trả lời nêu rõ lý do →	Cán bộ giảm nghèo	12
↓		
Trình UBND cấp xã ký ban hành Quyết định công nhận →	Chủ tịch UBND cấp xã	1
↓		
Chuyển kết quả về Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả. →	Cán bộ giảm nghèo.	0.5
Chuyển trả kết quả cho hộ gia đình →	Bộ phận TN&TKQ cấp xã	0.5

4. Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình (mã thủ tục: 1.011609)

**Lưu đồ giải quyết:*

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết *(15 ngày)*
Tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân →	Bộ phận tiếp nhận & trả kết quả của UBND cấp xã	1
Giải quyết hồ sơ (xác định thu nhập, niêm yết, phúc tra, ban hành Quyết định hoặc trả lời bằng văn bản lý do không đủ điều kiện) →	Bộ phận nghiệp vụ của UBND cấp xã	12
Ký duyệt hồ sơ →	Lãnh đạo UBND cấp xã	1
Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân →	Bộ phận tiếp nhận & trả kết quả của UBND xã	1

5. Công nhận người lao động có thu nhập thấp (mã thủ tục: 3.000412)

** Lưu đồ giải quyết:*

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết *(15 ngày)*
Tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân →	Bộ phận tiếp nhận & trả kết quả của UBND cấp xã	0,5
Giải quyết hồ sơ (xác định thu nhập, niêm yết, phúc tra, ban hành Quyết định hoặc trả lời bằng văn bản lý do không đủ điều kiện) →	Bộ phận nghiệp vụ của UBND cấp xã	13
Ký duyệt hồ sơ →	Lãnh đạo UBND cấp xã	1
Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân →	Bộ phận tiếp nhận & trả kết quả của UBND xã	0,5